Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2033/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Căn cứ Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc;

Căn cứ Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em phát triển trên môi trường mạng giai đoạn 2026 - 2030";

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2026 phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2026 ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2026 ban hành Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Tờ trình số 1917/TTr-BYT ngày 08 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045 *(sau đây gọi là Chiến lược)* với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Trẻ em là trung tâm của chiến lược phát triển đất nước; bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em là trách nhiệm của Nhà nước, gia đình, nhà trường và xã hội. Đầu tư cho trẻ em là đầu tư cho tương lai, chất lượng nguồn nhân lực và sự phát triển bền vững của đất nước; ưu tiên đầu tư cho trẻ em trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

2. Bảo đảm mọi trẻ em được phát triển toàn diện, bình đẳng, không bị phân biệt đối xử; ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và các nhóm trẻ em khác cần ưu tiên hỗ trợ, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

3. Phát triển trẻ em theo vòng đời trên cơ sở tiếp cận quyền trẻ em, dựa trên bằng chứng khoa học và phối hợp đa ngành; lấy gia đình làm nền tảng, chú trọng chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời và từng giai đoạn phát triển, bảo đảm sự liên tục, kết nối với hệ thống y tế, giáo dục, bảo vệ trẻ em, phúc lợi xã hội, văn hóa, môi trường an toàn và các dịch vụ thiết yếu khác.

4. Xây dựng môi trường sống, học tập, văn hóa, thông tin và không gian số an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em; thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ do bạo lực, xâm hại, công nghệ mới, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp.

5. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với trách nhiệm giải trình; tăng cường điều phối liên ngành, huy động nguồn lực và sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và chính trẻ em trong xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện các chính sách về trẻ em.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2035

Bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc, được thực hiện đầy đủ quyền của trẻ em; được tiếp cận công bằng các dịch vụ chất lượng trong chăm sóc, giáo dục, bảo vệ, phát triển toàn diện thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống, kỹ năng số và năng lực sáng tạo, nhất là đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em tại địa bàn khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tương lai, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước bền vững trong kỷ nguyên mới và hội nhập quốc tế.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Mọi trẻ em Việt Nam được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện và hạnh phúc; được bảo đảm đầy đủ các quyền; được tiếp cận và sử dụng công bằng và có chất lượng cao đối với các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, phúc lợi xã hội và các dịch vụ thiết yếu khác. Trẻ em Việt Nam được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống, kỹ năng số và năng lực sáng tạo, có khả năng thích ứng với xã hội số, hội nhập quốc tế và trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

3. Mục tiêu cụ thể

a) Bảo đảm trẻ em được sinh ra an toàn, khỏe mạnh, được chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và phát triển thể chất, nâng cao tầm vóc

- Giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống dưới 10 vào năm 2030 và dưới 8 vào năm 2035.

- Tỷ lệ tiêm chủng các vắc xin cho trẻ em trong Chương trình tiêm chủng mở rộng đạt trên 95% vào năm 2030 và duy trì trên 95% vào năm 2035.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 14% vào năm 2030 và dưới 12% vào năm 2035.

- Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần.

- Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên tăng từ 2-2,5 cm đối với nam và 1,5-2 cm đối với nữ so với năm 2020; tiếp tục cải thiện đến năm 2035.

b) Bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng, có chất lượng; phát triển tri thức, phẩm chất, kỹ năng và năng lực thích ứng trong thời đại số

- Tỷ lệ huy động trẻ em đi học mẫu giáo đạt 97% vào năm 2030 và duy trì từ 97% trở lên vào năm 2035.

- Tỷ lệ học sinh được cung cấp kỹ năng sống đạt 90% vào năm 2030 và 95% vào năm 2035.

- Tỷ lệ học sinh được cung cấp kỹ năng số đạt 85% vào năm 2030 và 95% vào năm 2035.

- 100% cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi và chăm sóc sức khỏe tâm thần cho học sinh vào năm 2030.

c) Bảo vệ trẻ em trước nguy cơ bạo lực, xâm hại, bóc lột, tai nạn, thương tích; bảo đảm môi trường sống an toàn và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Giảm tỷ lệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ít nhất 5% mỗi năm đến năm 2030 và phấn đấu giảm 3% mỗi năm trong giai đoạn 2031 - 2035.

- Giảm tỷ lệ lao động trẻ em (người từ 05 - 17 tuổi) xuống dưới 1,1% vào năm 2030 và duy trì dưới 1,1% vào năm 2035.

- Giảm tỷ suất trẻ em tử vong do tai nạn thương tích dưới 12/100.000 trẻ em vào năm 2030 và dưới 11/100.000 trẻ em vào năm 2035.

- 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ, can thiệp và tiếp cận các dịch vụ phù hợp theo nhu cầu cơ bản của trẻ em vào năm 2030 và tiếp tục duy trì đến năm 2035.

d) Bảo đảm quyền tham gia của trẻ em; mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí

- Bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền tham gia của trẻ em theo quy định của pháp luật; đến năm 2030, thực hiện các mục tiêu về tham vấn, lấy ý kiến trẻ em, phát triển các mô hình quyền tham gia của trẻ em và tiếp nhận, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em theo Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện đến năm 2035.

- Tỷ lệ xã, phường, đặc khu có điểm sinh hoạt, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em đạt 85% vào năm 2030 và 90% vào năm 2035.

đ) Nâng cao năng lực của gia đình và hệ thống công tác trẻ em; tăng cường phối hợp liên ngành, quản lý dữ liệu và chuyển đổi số trong công tác trẻ em

- Đến năm 2030, hoàn thiện việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu quản lý trẻ em; bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu về quản lý dữ liệu đối với trẻ em bị xâm hại và trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026-2030; tiếp tục hoàn thiện, duy trì và nâng cao chất lượng dữ liệu đến năm 2035, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Tỷ lệ cha mẹ, người chăm sóc trẻ em được trang bị kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ, hỗ trợ sự phát triển toàn diện trẻ em phù hợp theo vòng đời đạt 85% vào năm 2030 và 95% vào năm 2035.

- Đến năm 2027, 100% xã, phường, đặc khu có người được phân công thực hiện công tác trẻ em và kênh tiếp nhận, kết nối, chuyển xử lý thông tin bảo vệ trẻ em; bảo đảm tiếp cận Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111 và cơ chế xử lý thông tin khẩn cấp theo quy định; duy trì đến năm 2035.

- 100% tỉnh, thành phố có cơ chế phối hợp liên ngành về trẻ em hoạt động hiệu quả theo quy định vào năm 2030 và duy trì đến năm 2035.

- 100% tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách hằng năm thực hiện Chiến lược.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao năng lực quản trị, điều phối công tác trẻ em

- Rà soát, hoàn thiện pháp luật, chính sách về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ và phát triển trẻ em; lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực và

địa phương, ưu tiên hoàn thiện chính sách, bố trí nguồn lực và phát triển dịch vụ đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và các nhóm trẻ em khác cần ưu tiên hỗ trợ.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác trẻ em, nhất là ở cấp xã; bố trí người được phân công, vận hành kênh tiếp nhận, chuyển xử lý thông tin bảo vệ trẻ em, kết nối hiệu quả với Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng quản lý và phối hợp xử lý vụ việc.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, phân định rõ trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác trẻ em; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, hiệu quả quản lý nhà nước và phối hợp giữa Nhà nước, gia đình, nhà trường, cộng đồng trong thực hiện quyền trẻ em.

2. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phát triển thể chất và hỗ trợ phát triển toàn diện trẻ em

- Củng cố mạng lưới chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em và nâng cao chất lượng dịch vụ; tăng cường sàng lọc trước sinh, sơ sinh, phát hiện sớm, can thiệp sớm bệnh tật, khuyết tật, rối loạn phát triển và giảm tử vong trẻ em; ưu tiên vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và hải đảo.

- Thực hiện hiệu quả các chương trình dinh dưỡng, phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng, thừa cân, béo phì; thúc đẩy phát triển thể chất, cải thiện thể lực, chiều cao, tầm vóc trẻ em; chú trọng dinh dưỡng và chăm sóc trẻ trong 1.000 ngày đầu đời; phát triển các mô hình chăm sóc, giáo dục, phát triển toàn diện trẻ em.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí và kết nối, liên thông, cập nhật dữ liệu trên sổ sức khỏe điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan; quản lý, theo dõi sức khỏe và tăng trưởng, phát triển trẻ em phù hợp với độ tuổi; kết nối thông tin, kết quả chăm sóc sức khỏe giữa cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và gia đình; nâng cao chất lượng y tế trường học, dinh dưỡng học đường, nước sạch, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm trong trường học, cơ sở giáo dục.

- Tăng cường phòng ngừa, phát hiện sớm, tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi; phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu, bia, ma túy và các chất gây nghiện đối với trẻ em.

- Phát triển và kết nối các dịch vụ chăm sóc, giáo dục, bảo vệ và trợ giúp xã hội cho trẻ em trong những năm đầu đời và theo từng giai đoạn phát triển; tăng cường hỗ trợ cha mẹ, người chăm sóc về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, tương tác tích cực, phát hiện dấu hiệu bất thường và tiếp cận kịp thời các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ, can thiệp.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển phẩm chất, năng lực, nguồn nhân lực tương lai

- Bảo đảm tiếp cận giáo dục có chất lượng, công bằng và bao trùm; hỗ trợ trẻ em đến trường, duy trì việc học, giảm bỏ học; ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc

biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em thuộc các nhóm cần ưu tiên hỗ trợ, nhất là trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và địa bàn có điều kiện khó khăn; chú trọng bảo đảm điều kiện tiếp cận giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật.

- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất, tư duy sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, giao tiếp, hợp tác và năng lực thích ứng; phát hiện, bồi dưỡng và tạo điều kiện phát triển năng khiếu, sở trường, tiềm năng của trẻ em, học sinh.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tăng cường giáo dục sức khỏe, giới tính, sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi, tư vấn tâm lý, hỗ trợ sức khỏe tâm thần, phòng, chống bạo lực học đường và trang bị kỹ năng phòng, chống tai nạn, đuối nước trong trường học, cơ sở giáo dục.

- Phát triển năng lực thông tin, truyền thông, kỹ năng số và công dân số cho trẻ em; nâng cao khả năng nhận diện thông tin sai lệch, nội dung độc hại, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, sử dụng internet, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số an toàn, có trách nhiệm, phù hợp lứa tuổi.

4. Tăng cường bảo vệ trẻ em và xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện

- Củng cố hệ thống bảo vệ trẻ em theo hướng chuyên nghiệp, tích hợp, liên ngành, thực hiện hiệu quả ba cấp độ phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp; phát triển mạng lưới dịch vụ, quản lý trường hợp; phát huy vai trò gia đình, nhà trường, cộng đồng trong nhận diện nguy cơ, phát hiện, hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, xâm hại, bóc lột, mua bán, bỏ rơi và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; tăng cường kết nối, chuyển tuyến và hỗ trợ trẻ em tiếp cận kịp thời các dịch vụ phù hợp ngay từ cơ sở.

- Triển khai các giải pháp phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước, các nguyên nhân gây tử vong và thương tích hàng đầu ở trẻ em; nhân rộng mô hình gia đình, nhà trường, cộng đồng an toàn, cải thiện điều kiện và trang bị kỹ năng phòng tránh nguy cơ, kỹ năng ứng phó phù hợp với từng nhóm tuổi.

- Chủ động phòng ngừa, ứng phó và bảo vệ, hỗ trợ trẻ em trong thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp; bảo đảm cơ chế cảnh báo, tiếp cận thông tin, dịch vụ thiết yếu và hỗ trợ phục hồi phù hợp với trẻ em.

- Triển khai các biện pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phối hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý nguy cơ xâm hại, lừa đảo, bắt nạt, dụ dỗ, bóc lột và các nguy cơ mới phát sinh từ công nghệ số; kết nối các cơ quan có thẩm quyền, gia đình, nhà trường và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số để hỗ trợ kịp thời trẻ em.

- Phát triển các dịch vụ trợ giúp xã hội, công tác xã hội, phục hồi chức năng, chăm sóc thay thế, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng; bảo đảm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ, can thiệp và tiếp cận kịp thời các dịch vụ phù hợp với nhu cầu; chủ động phát hiện, hỗ trợ, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

5. Thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em và phát triển văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí

- Bảo đảm quyền tham gia của trẻ em trong xây dựng, triển khai và giám sát chính sách, chương trình, kế hoạch và các quyết định liên quan đến trẻ em; thực hiện tham vấn, tiếp nhận, phản hồi ý kiến của trẻ em bằng hình thức phù hợp với độ tuổi, hoàn cảnh và điều kiện thực tế; phát triển các diễn đàn, mô hình và cơ chế tham gia có chất lượng, hiệu quả.

- Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng tiếp cận các thiết chế văn hóa, thể thao, điểm sinh hoạt, vui chơi, giải trí an toàn, phù hợp với trẻ em; ưu tiên địa bàn khó khăn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các nhóm cần hỗ trợ, bảo đảm cơ hội thụ hưởng bình đẳng.

- Phát triển các sản phẩm, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, nội dung số có giá trị giáo dục, lành mạnh, phù hợp lứa tuổi; kiểm soát nội dung, dịch vụ có hại và tạo điều kiện để trẻ em tham gia sáng tạo, đề xuất sáng kiến, hoạt động văn hóa, thể thao và cộng đồng.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, quản lý dữ liệu, thống kê và giám sát, đánh giá công tác trẻ em

- Xây dựng, đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em; hoàn thiện, chuẩn hóa, vận hành, cập nhật, kết nối và chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan khác; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, công cụ số và trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm trong quản lý, điều phối và cung cấp dịch vụ cho trẻ em; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em.

- Chuẩn hóa chỉ tiêu, phương pháp thu thập, phân tích và sử dụng số liệu về trẻ em; nâng cao chất lượng thống kê, nghiên cứu, dự báo phục vụ xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng; đổi mới cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược.

7. Đổi mới truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức và kỹ năng về quyền trẻ em và phát triển toàn diện trẻ em

- Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, giáo dục và vận động xã hội về quyền trẻ em, trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và phát triển trẻ em; phát triển các sản phẩm, nền tảng truyền thông dễ tiếp cận, phù hợp với từng nhóm tuổi, địa bàn và điều kiện của trẻ em, bảo đảm thông tin chính xác, lành mạnh, có giá trị giáo dục và nhân văn.

- Tăng cường truyền thông thay đổi nhận thức, hành vi và trang bị kiến thức, kỹ năng cho trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc, nhà trường, cộng đồng về dinh dưỡng, sức khỏe thể chất và tinh thần, phát triển trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại, tai nạn thương tích, đuối nước, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và thực hiện quyền tham gia của trẻ em.

- Truyền thông, phổ biến kiến thức và kỹ năng phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và tình huống khẩn cấp; chú trọng nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em tại địa bàn khó khăn và bảo đảm kênh phản hồi, tiếp nhận thông tin từ trẻ em, gia đình và cộng đồng.

8. Huy động các nguồn lực hợp pháp và tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển trẻ em

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan đến trẻ em; khuyến khích các mô hình hợp tác giữa cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng theo quy định của pháp luật, tránh chồng chéo nhiệm vụ và nguồn lực.

- Huy động, khuyến khích đóng góp, hỗ trợ tự nguyện, hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, cộng đồng và cá nhân; vận động nguồn lực hướng tới các địa bàn khó khăn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và các nhóm trẻ em khác cần ưu tiên hỗ trợ.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về quyền trẻ em và phát triển trẻ em; đẩy mạnh trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ, huy động hỗ trợ quốc tế theo quy định; thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam và tham gia hiệu quả các cơ chế, diễn đàn khu vực, quốc tế về trẻ em.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm, thực hiện theo phân cấp hiện hành và theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Lồng ghép từ các chương trình, dự án, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; huy động viện trợ, tài trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chiến lược bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm theo quy định pháp luật và không để thất thoát, lãng phí.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược, bảo đảm khả thi, phù hợp thực tiễn, theo đúng tinh thần *"06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả"*.

Các bộ, cơ quan, địa phương đồng thời tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em phát triển trên môi trường mạng giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2026; Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035 theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2026; Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2026; Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2026 và các Chương trình, Kế hoạch, Đề án khác liên quan đến công tác trẻ em đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bộ Y tế là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Chiến lược trên phạm vi toàn quốc; kịp thời tổng hợp tình hình, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ các giải pháp cần thiết nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược; định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo về kết quả thực hiện và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược theo quy định. Bộ Y tế chịu trách nhiệm về các nội dung báo cáo, đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 1917/TTr-BYT ngày 08 tháng 10 năm 2026.

3. Các bộ: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an, Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này, bảo đảm chất lượng, tiến độ. Chủ động cân đối, bố trí kinh phí, nhân lực và các nguồn lực hợp pháp khác theo thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc việc triển khai nhiệm vụ và định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), báo cáo kết quả thực hiện, gửi Bộ Y tế tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Chiến lược, các bộ, cơ quan, địa phương chủ động rà soát, đề xuất, gửi Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp kinh phí thực hiện Chiến lược từ nguồn ngân sách trung ương, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các quy định pháp luật khác có liên quan và khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

5. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo quy định; chỉ đạo các tổ chức thành viên và các tổ chức xã hội thực hiện việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Chiến lược; tham gia góp ý, phản biện xã hội, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và các mục tiêu, nhiệm vụ về trẻ em; tiếp nhận, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân và vận động, kết nối nguồn lực chăm lo, hỗ trợ trẻ em.

Đề nghị Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam tăng cường truyền thông, vận động xã hội về quyền trẻ em; tham gia tham vấn, lấy ý kiến trẻ em, góp ý, giám sát chính sách, pháp luật về trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em, nâng cao kiến thức của cha mẹ, trẻ em trong thực hiện quyền trẻ em.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan. tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các thành viên Ủy ban Quốc gia về trẻ em;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục: KTTH, PL, TH, CTTCP;
- Lưu: VT, KGVX (2)33

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục I

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2033/QĐ-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Mục tiêu 2030	Mục tiêu 2035
I	**Mục tiêu: Bảo đảm trẻ em được sinh ra an toàn, khỏe mạnh, được chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và phát triển thể chất, nâng cao tầm vóc**				
1	Giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	Bộ Y tế	Bộ Tài chính; UBND các tỉnh, thành phố	< 10	< 8
2	Tỷ lệ tiêm chủng các vắc xin cho trẻ em trong Chương trình tiêm chủng mở rộng	Bộ Y tế	UBND các tỉnh, thành phố	> 95%	Duy trì > 95%
3	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	Bộ Y tế	UBND các tỉnh, thành phố	< 14%	< 12%
4	Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần	Bộ Y tế	UBND các tỉnh, thành phố	Duy trì hằng năm	Duy trì hằng năm
5	Chiều cao trung bình thanh niên tăng so với năm 2020	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các tỉnh, thành phố	Nam tăng 2-2,5 cm; Nữ tăng 1,5-2 cm	Tiếp tục được cải thiện
II	**Mục tiêu: Bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng, có chất lượng; phát triển tri thức, phẩm chất, kỹ năng và năng lực thích ứng trong thời đại số**				
1	Tỷ lệ huy động trẻ em đi học mẫu giáo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Y tế; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; UBND các tỉnh, thành phố	97%	Duy trì ≥ 97%
2	Tỷ lệ học sinh được cung cấp kỹ năng sống	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Y tế; Bộ Công an; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố	90%	95%

3	Tỷ lệ học sinh được cung cấp kỹ năng số	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an; Bộ Y tế; UBND các tỉnh, thành phố	85%	95%
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi và chăm sóc sức khỏe tâm thần cho học sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Y tế; UBND các tỉnh, thành phố	100%	Duy trì 100%
III	**Mục tiêu: Bảo vệ trẻ em trước nguy cơ bạo lực, xâm hại, bóc lột, tai nạn, thương tích; bảo đảm môi trường sống an toàn và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**				
1	Giảm tỷ lệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục	Bộ Công an	Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo; UBND các tỉnh, thành phố	Giảm ít nhất 5%/năm	Giảm 3%/năm
2	Giảm tỷ lệ lao động trẻ em (từ 05 - 17 tuổi)	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Công an; Bộ Nội vụ; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; UBND các tỉnh, thành phố	< 1,1%	Duy trì < 1,1%
3	Giảm tỷ suất trẻ em tử vong do tai nạn thương tích	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Công an; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố	< 12/100.000 trẻ em	< 11/100.000 trẻ em
4	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ, can thiệp và tiếp cận các dịch vụ phù hợp theo nhu cầu cơ bản của trẻ em	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; UBND các tỉnh, thành phố	100%	Duy trì 100%

IV	**Mục tiêu: Bảo đảm quyền tham gia của trẻ em; mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí**				
1	Thực hiện quyền tham gia của trẻ em thông qua tham vấn, lấy ý kiến trẻ em, phát triển mô hình quyền tham gia và tiếp nhận, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các bộ, cơ quan liên quan; UBND các tỉnh, thành phố	Thực hiện theo mục tiêu giai đoạn 2026-2030	Duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả
2	Tỷ lệ xã, phường, đặc khu có điểm sinh hoạt, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Xây dựng; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; UBND các tỉnh, thành phố	85%	90%
V	**Mục tiêu: Nâng cao năng lực của gia đình và hệ thống công tác trẻ em; tăng cường phối hợp liên ngành, quản lý dữ liệu và chuyển đổi số trong công tác trẻ em**				
1	Hoàn thiện việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu quản lý trẻ em; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân	Bộ Y tế	Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; UBND các tỉnh, thành phố	Thu thập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu	Duy trì, nâng cao chất lượng dữ liệu
2	Tỷ lệ cha mẹ, người chăm sóc trẻ em được trang bị kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ, hỗ trợ sự phát triển toàn diện của trẻ em phù hợp theo vòng đời	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; UBND các tỉnh, thành phố	85%	95%
3	Tỷ lệ xã, phường, đặc khu có người được phân công thực hiện công tác trẻ em và kênh tiếp nhận, kết nối, chuyển xử lý thông tin bảo vệ trẻ em, bảo đảm tiếp cận Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111 và cơ chế xử lý thông tin khẩn cấp theo quy định	Bộ Y tế	Bộ Nội vụ; Bộ Công an; UBND các tỉnh, thành phố	100% (năm 2027)	Duy trì 100%

4	Tỷ lệ tỉnh, thành phố có cơ chế phối hợp liên ngành về trẻ em hoạt động hiệu quả theo quy định	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan; UBND các tỉnh, thành phố	100%	Duy trì 100%
5	Tỷ lệ tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách hằng năm thực hiện Chiến lược	UBND các tỉnh, thành phố	Bộ Y tế, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan	100%	Duy trì 100%

Phụ lục II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2026-2035, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2033/QĐ-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
I	**Hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao năng lực quản trị, điều phối công tác trẻ em**				
1	Rà soát, hoàn thiện pháp luật, chính sách về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ, phát triển trẻ em, bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền trẻ em	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
2	Lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu phát triển trẻ em vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Y tế; UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
3	Kiện toàn nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác trẻ em	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Nội vụ; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
4	Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành trong công tác trẻ em	Bộ Y tế; UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Tháng 12/2027
II	**Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phát triển thể chất và hỗ trợ phát triển toàn diện trẻ em**				
1	Củng cố mạng lưới sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em; tăng cường sàng lọc, phát hiện, can thiệp sớm bệnh tật, khuyết tật và rối loạn phát triển ở trẻ em	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 3/2027)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên

2	Thực hiện hiệu quả chương trình dinh dưỡng thúc đẩy phát triển thể chất, cải thiện thể lực, chiều cao, tầm vóc trẻ em; chú trọng dinh dưỡng, chăm sóc trẻ trong 1.000 ngày đầu đời	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
3	Nghiên cứu phát triển mô hình chăm sóc, giáo dục, phát triển toàn diện trẻ em	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan và UBND các tỉnh, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp	Tháng 3/2027
4	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí và kết nối, liên thông, cập nhật dữ liệu trên sổ sức khoẻ điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu liên quan; quản lý, theo dõi sức khỏe và tăng trưởng, phát triển trẻ em phù hợp với độ tuổi	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
5	Hướng dẫn, đôn đốc thực hiện việc nâng cao chất lượng y tế trường học, dinh dưỡng học đường, nước sạch, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm trong trường học, cơ sở giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Y tế; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
6	Tăng cường phòng ngừa, phát hiện sớm, tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên

7	Tăng cường phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu, bia, ma túy và các chất gây nghiện đối với trẻ em	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
8	Phát triển và kết nối các dịch vụ chăm sóc, giáo dục, bảo vệ và trợ giúp xã hội cho trẻ em trong những năm đầu đời và theo từng giai đoạn phát triển	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
9	Tăng cường hỗ trợ cha mẹ, người chăm sóc về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, tương tác tích cực, phát hiện dấu hiệu bất thường và tiếp cận kịp thời các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ, can thiệp	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
III	**Nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển phẩm chất, năng lực, nguồn nhân lực tương lai**				
1	Thực hiện hiệu quả các giải pháp hỗ trợ trẻ em đến trường, duy trì việc học, giảm bỏ học, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em thuộc các nhóm cần ưu tiên hỗ trợ, nhất là trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và địa bàn có điều kiện khó khăn; bảo đảm điều kiện tiếp cận giáo dục hoà nhập đối với trẻ em khuyết tật	Bộ Giáo dục và Đào tạo *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên

2	Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống, kỹ năng số, kỹ năng tự bảo vệ, tư duy sáng tạo và năng lực thích ứng; phát hiện, bồi dưỡng và tạo điều kiện phát triển năng khiếu, sở trường, tiềm năng của trẻ em, học sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp	Tháng 6/2027
3	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tăng cường giáo dục sức khỏe, giới tính, sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi, tư vấn tâm lý, hỗ trợ sức khỏe tâm thần, phòng, chống bạo lực học đường và trang bị kỹ năng phòng, chống tai nạn, đuối nước trong trường học, cơ sở giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Y tế; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
4	Phát triển năng lực thông tin, truyền thông, kỹ năng số và công dân số cho trẻ em; nâng cao khả năng nhận diện thông tin sai lệch, nội dung độc hại, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, sử dụng internet, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số an toàn, có trách nhiệm, phù hợp lứa tuổi	Bộ Giáo dục và Đào tạo *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Y tế; Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 12/2026)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên

IV	**Tăng cường bảo vệ trẻ em và xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện**				
1	Củng cố hệ thống bảo vệ trẻ em theo ba cấp độ phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp; phát triển mạng lưới dịch vụ, quản lý trường hợp, cơ chế tiếp nhận, chuyển tuyến và phối hợp liên ngành	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Công an; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 01/2027)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
2	Triển khai các giải pháp phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước, các nguyên nhân gây tử vong và thương tích hàng đầu ở trẻ em; nhân rộng mô hình gia đình, nhà trường, cộng đồng an toàn, cải thiện điều kiện và trang bị kỹ năng phòng tránh nguy cơ phù hợp từng nhóm tuổi	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 01/2027)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
3	Chủ động phòng ngừa, ứng phó và bảo vệ, hỗ trợ trẻ em trong thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp; bảo đảm cơ chế cảnh báo, tiếp cận thông tin, dịch vụ thiết yếu và hỗ trợ phục hồi phù hợp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 01/2027)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
4	Triển khai các biện pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phối hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý nguy cơ xâm hại, lừa đảo, bắt nạt, dụ dỗ, bóc lột và các nguy cơ mới phát sinh từ công nghệ số	Bộ Công an *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Bộ Y tế và các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 01/2027)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên

5	Phát triển các dịch vụ trợ giúp xã hội, công tác xã hội, phục hồi chức năng, chăm sóc thay thế, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn, đôn đốc *(tháng 01/2027)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
V	**Thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em và phát triển văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí**				
1	Tổ chức thực hiện tham vấn, lấy ý kiến trẻ em phù hợp với độ tuổi, điều kiện và đặc điểm của từng nhóm trẻ em; phát triển các diễn đàn, mô hình và cơ chế tham gia có chất lượng, hiệu quả	Bộ Y tế *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Các bộ, cơ quan liên quan; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam	Văn bản hướng dẫn *(hoàn thành năm 2027)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
2	Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng tiếp cận các thiết chế văn hóa, thể thao, điểm sinh hoạt, vui chơi, giải trí an toàn, phù hợp với trẻ em	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; *(hướng dẫn);* UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn *(hoàn thành năm 2027)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
3	Phát triển các sản phẩm, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, nội dung số có giá trị giáo dục, lành mạnh, phù hợp lứa tuổi; kiểm soát nội dung, dịch vụ có hại và tạo điều kiện để trẻ em tham gia sáng tạo, đề xuất sáng kiến, hoạt động văn hóa, thể thao và cộng đồng	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch *(thực hiện)*; UBND các tỉnh, thành phố *(thực hiện)*	Các bộ, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn *(hoàn thành năm 2027)* Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên

VI	**Đẩy mạnh chuyển đổi số, quản lý dữ liệu, thống kê và giám sát, đánh giá công tác trẻ em**				
1	Xây dựng, đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em; hoàn thiện, chuẩn hóa, vận hành, cập nhật, kết nối và chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan khác	Bộ Y tế	Bộ Công an; các bộ, cơ quan liên quan; UBND các tỉnh, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Tháng 11/2026
2	Chuẩn hóa chỉ tiêu, phương pháp thu thập, phân tích và sử dụng số liệu về trẻ em	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan; UBND các tỉnh, thành phố	Văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế	Tháng 3/2027
3	Xây dựng bộ chỉ số và hướng dẫn thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan; UBND các tỉnh, thành phố	Văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế	Tháng 01/2027
VII	**Đổi mới truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức và kỹ năng về quyền trẻ em và phát triển toàn diện trẻ em**				
1	Nghiên cứu đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, giáo dục và vận động xã hội về quyền trẻ em, trách nhiệm bảo vệ trẻ em	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan; UBND các tỉnh, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp	Tháng 3/2027
2	Truyền thông thay đổi nhận thức, hành vi; trang bị kiến thức, kỹ năng cho trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc, nhà trường, cộng đồng về dinh dưỡng, sức khỏe thể chất, tinh thần, phòng, chống bạo lực, xâm hại, tai nạn thương tích, đuối nước, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và quyền tham gia của trẻ em	Bộ Y tế UBND các tỉnh, thành phố	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên

3	Truyền thông, phổ biến kiến thức và kỹ năng phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và tình huống khẩn cấp	Bộ Y tế UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
VIII	**Huy động các nguồn lực hợp pháp và tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển trẻ em**				
1	Huy động, khuyến khích đóng góp, hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, cộng đồng và cá nhân; vận động nguồn lực hướng tới các địa bàn khó khăn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và các nhóm trẻ em khác cần ưu tiên hỗ trợ	Bộ Y tế UBND các tỉnh, thành phố	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên
2	Mở rộng hợp tác quốc tế về quyền trẻ em và phát triển trẻ em; huy động hỗ trợ quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam	Bộ Y tế	Bộ Ngoại giao; các bộ, cơ quan liên quan, UBND các tỉnh, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện *(hằng năm)*	Hoạt động thường xuyên